

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên
23 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trương Đức Hùng

Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.461.096.428.768	3.232.882.367.940
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.043.308.932.899	271.588.326.429
111	1. Tiền		962.308.932.899	162.088.326.429
112	2. Các khoản tương đương tiền		81.000.000.000	109.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	1.779.200.000.000	2.241.100.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.779.200.000.000	2.241.100.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		612.185.841.734	677.386.026.029
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	388.031.253.257	316.528.929.816
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	33.576.462.394	31.351.137.052
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	288.305.482.741	390.887.560.861
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(97.727.356.658)	(61.381.601.700)
140	IV. Hàng tồn kho		12.604.192.244	13.799.945.012
141	1. Hàng tồn kho		12.604.192.244	13.799.945.012
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.797.461.891	29.008.070.470
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	8.407.037.521	20.136.918.543
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	1.572.841.875	17.049.664
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	3.817.582.495	8.854.102.263

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

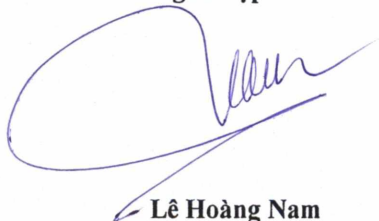
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.490.351.450.686	5.554.233.314.360
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		47.095.035.644	45.530.335.644
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	47.095.035.644	45.530.335.644
220	II. Tài sản cố định		584.325.010.347	652.785.288.607
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	562.482.359.934	628.082.048.053
222	- Nguyên giá		2.622.732.492.621	2.641.463.919.424
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.060.250.132.687)	(2.013.381.871.371)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	21.842.650.413	24.703.240.554
228	- Nguyên giá		82.648.957.521	82.648.957.521
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.806.307.108)	(57.945.716.967)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	6.736.852.392	8.945.974.392
231	- Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(82.474.983.033)	(80.265.861.033)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		565.044.653.179	580.653.098.782
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	565.044.653.179	580.653.098.782
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	4.219.967.281.280	4.201.393.877.713
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.412.883.163.689	1.412.883.163.689
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.733.636.789.502	2.633.636.789.502
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		738.214.360.459	738.214.360.459
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(664.767.032.370)	(583.340.435.937)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		67.182.617.844	64.924.739.222
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	59.532.761.150	58.281.078.430
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26	7.649.856.694	6.643.660.792
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.951.447.879.454	8.787.115.682.300

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.122.803.391.949	999.323.679.820
310	I. Nợ ngắn hạn		975.612.995.406	879.935.450.900
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	167.530.059.876	137.699.482.329
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		30.844.442.926	16.250.625.823
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	137.247.506.726	151.896.331.584
314	4. Phải trả người lao động		126.690.764.968	118.778.400.358
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.296.015.452	933.676.277
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		15.613.185.628	22.560.534.093
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	151.689.437.832	155.312.365.293
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.701.581.998	276.504.035.143
330	II. Nợ dài hạn		147.190.396.543	119.388.228.920
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	121.813.042.264	84.350.011.338
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		25.377.354.279	35.038.217.582
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.828.644.487.505	7.787.792.002.480
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	7.828.644.487.505	7.787.792.002.480
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		421.424.540.672	421.424.540.672
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		993.419.099.699	719.981.810.641
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.045.847.134	235.630.651.167
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		<i>(175.602.896.028)</i>	<i>417.506.491.470</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>178.648.743.162</i>	<i>(181.875.840.303)</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.951.447.879.454	8.787.115.682.300

Người lập biểu

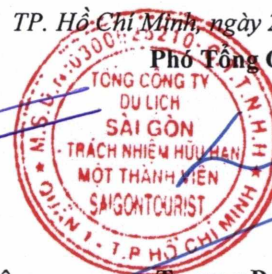

Lê Hoàng Nam

Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Tuệ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Phó Tổng Giám đốc




Trương Đức Hùng

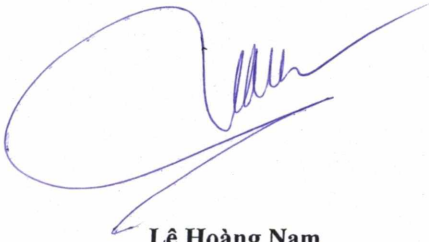
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.346.306.811.482	746.610.513.583
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.346.306.811.482	746.610.513.583
11	4. Giá vốn hàng bán	19	1.052.999.991.410	786.039.992.763
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.306.820.072	(39.429.479.180)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	300.481.324.311	285.460.997.070
22	7. Chi phí tài chính	21	84.686.839.293	190.982.296.543
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	72.255.834.075	27.373.816.489
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	255.607.030.351	222.345.176.395
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		181.238.440.664	(194.669.771.537)
31	11. Thu nhập khác	24	25.623.045.923	15.676.300.070
32	12. Chi phí khác		2.395.712.026	115.257.660
40	13. Lợi nhuận khác		23.227.333.897	15.561.042.410
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		204.465.774.561	(179.108.729.127)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	23.821.009.503	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	(1.006.195.902)	2.767.111.176
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>181.650.960.960</u>	<u>(181.875.840.303)</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu


Lê Hoàng Nam

Kế toán trưởng

Nguyễn Quốc Tuệ

Phó Tổng Giám đốc


Trương Đức Hùng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		204.465.774.561	(179.108.729.127)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(105.678.706.529)	(6.347.415.952)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		72.880.926.298	79.053.978.870
03	- Các khoản dự phòng		117.772.351.391	192.052.614.953
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		573.075.840	1.301.923.812
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(292.534.632.787)	(278.755.933.587)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(4.370.427.271)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		98.787.068.032	(185.456.145.079)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(71.448.299.149)	(122.563.737.902)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.302.502.768	1.212.365.396
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		84.864.515.523	72.170.259.953
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.639.457.393	3.228.639.219
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.784.627.472)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	603.417.650
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(75.103.609.774)	(24.238.009.699)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		33.257.007.321	(255.043.210.462)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(19.334.045.620)	(24.750.017.858)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		842.002.931	16.669.546
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.683.600.000.000)	(3.194.968.876.712)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.145.500.000.000	2.813.437.753.424
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(164.943.191.295)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		297.512.748.541	474.907.553.995
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		740.920.705.852	(96.300.108.900)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(31.507.658.906)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(31.507.658.906)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		774.177.713.173	(382.850.978.268)

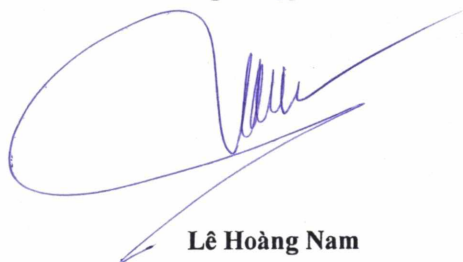
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã CHỈ TIÊU số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		271.588.326.429	654.548.204.348
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.457.106.703)	(108.899.651)
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>1.043.308.932.899</u>	<u>271.588.326.429</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Lê Hoàng Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Tuệ

Phó Tổng Giám đốc



Trương Đức Hùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên là một doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 31 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo hình thức công ty mẹ - công ty con, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 01 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 26 tháng 10 năm 2021, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Quyết định số 4849/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01 tháng 01 năm 2014, vốn điều lệ của Tổng Công ty được chấp thuận tăng từ 5.300.000.000.000 VND lên 6.410.755.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn góp của chủ sở hữu là 6.410.755.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 23 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 2.690 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 2.585 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna - massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vui chơi, giải trí, bãi tắm biển;
- Kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng sông;
- Dịch vụ cảng và bến cảng;
- Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền;
- Dịch vụ vận tải đường thủy;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hoá thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hoá, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hoá;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Vận tải hàng hoá và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;
- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Mua bán phụ tùng xe ô tô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài;
- Sửa chữa, bảo trì ô tô, tàu du lịch;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mì, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hoá tiêu dùng, hoá chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Mua bán hàng tiêu thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý;
- Đại lý bảo hiểm; và
- Đại lý bán vé tàu hoả.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Sau đại dịch Covid 19, ngành kinh doanh khách sạn, nhà hàng đã có những bước phục hồi mạnh mẽ. Theo đó, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu tăng 80,32% so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Bến Thành (Rex)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí
Khách sạn Cửu Long (Majestic)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí
Khách sạn Đồng Khởi Grand Hotel	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí
Khách sạn Hoàn Cầu (Continental)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
Khách sạn Đệ Nhất	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí
Khách sạn Kim Đô (Royal Hotel Saigon)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Khách sạn Oscar Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
Khách sạn Đồng Khánh	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
Khách sạn Thiên Hồng (Arcenciel)	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH Một thành viên - Làng du lịch Bình Quới	Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống

Tổng Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trường trung cấp Du lịch và Khách sạn Saigontourist	Thành phố Hồ Chí Minh	Dạy học, dạy nghề
Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Côn Đảo	Bà Rịa - Vũng Tàu	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống
Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên - Thành phố Móng Cái Tỉnh Quảng Ninh	Quảng Ninh	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và tại Khối Văn phòng Tổng Công ty.

Những người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính riêng kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.